TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 35/2022/HSST Ngày 26 - 8 - 2022	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH V

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu

Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Bích và ông Hoàng Văn Khảm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Phú Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2022/TLST ngày 05 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2022, đối với:

Bị cáo Nguyễn Văn N, sinh ngày: 28/11/1991; sinh trú quán: thôn C, xã A, huyện V, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; Đảng, Đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị L; vợ Nguyễn Thị T; chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 06/7/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Y, có mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1992; trú tại: thôn T, xã T, huyện V, tỉnh V, vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Dương Thị H, sinh năm 1960; trú tại: tổ dân phố Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh V, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N mượn xe mô tô của Nguyễn Thành C, em vợ của N. Khoảng 11 giờ ngày 15/7/2021, N gọi điện cho anh Nguyễn Xuân H, bạn của N nhờ đi cùng N đến thị trấn Y, huyện Y để N trả xe cho C, sau đó anh H chở N về. Anh H đồng ý. Anh H điều khiển xe mô tô BKS 88L1 - 290.34 nhãn hiệu HONDA Wave RSX, N điều khiển xe mô tô mượn của C. Khi đến ngã tư đèn xanh, đỏ gần sân vận động thuộc tổ dân phố Đ, thị trấn Y, huyện Y, N gọi điện thoại bảo C ra lấy xe. N, anh H đứng đó đợi. Một lúc sau C đi bộ đến, N trả C xe và nói C về cất xe rồi quay lại đi chơi. C đồng ý và điều khiển xe đi về. Khoảng 15 phút sau C quay lại, anh H điều khiển xe chở N, C đến quán nước của bà Dương Thị H tại tổ dân phố Đ, thị trấn Y, huyện Y. Đến nơi, anh H dừng xe vào quán ngồi uống nước. N, C đứng phía ngoài quán nước. C có điện thoại gọi đến, C nói với N: C đi về trước và tiếp tục nói chuyện điện thoại. Nghe C nói vậy, N đi vào hỏi anh H: "Mày cho tao mượn xe đưa em vợ tao về nhà". Do tin tưởng,

anh H đã giao xe cho N mượn và nói: "Mày đi nhanh lên tao về nhà còn có việc". Mượn được xe, N bảo C điều khiển xe chở N. Anh H ngồi quán nước đợi. Đi đến khu vực tổ dân phố T, thị trấn Y, N nảy sinh ý định cầm cố xe của anh H lấy tiền chi tiêu cá nhân. N nói với C: "Anh đi làm mới mua được con xe này có biết chỗ nào cầm cố không?". Nghe N hỏi, C nói: "Để em hỏi đã". N xuống xe đứng đợi ở ven đường chờ C điều khiển xe đi tìm chỗ cầm cố. Khoảng 30 phút sau, C quay lại nói cầm cố được 2.500.000đ nhưng không nói địa chỉ cầm cố xe cho N biết. N bảo C đưa cho N 1.000.000đ. Số tiền còn lại N cho C. C đưa tiền cho N rồi mỗi người đi một nơi. Đợi đến khoảng 12h45' cùng ngày không thấy N quay lại trả xe, anh H gọi điện thoại cho N nhưng không liên lạc được nên tiếp tục ngồi đợi. Khoảng 14h cùng ngày, không thấy N quay lại trả xe, không liên lạc được với N nên anh H gọi điện thoại cho em trai đến đón. Anh H nhiều lần gọi điện thoại cho N để đòi xe nhưng không liên lạc được, đến nhà tìm nhưng N không ở nhà. Sau khi chiếm đoạt xe, N bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 15/11/2022, anh Nguyễn Xuân H có đơn đề nghị cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y điều tra làm rõ, xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐG ngày 09/12/2021, của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Y kết luận: 01 xe mô tô BKS 88L1-290.34 trị giá 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Đối với Nguyễn Thành C, quá trình điều tra Nguyễn Văn N khai: C được N nhờ mang xe mô tô BKS 88L1 - 290.34 đi cầm cố, sau khi cầm cố được xe, N cho C 1.500.000đ nhưng N không nói cho C biết nguồn gốc chiếc xe do N lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản mà có. Cơ quan điều tra đã triệu tập nhiều lần nhưng C không có mặt tại địa phương, C đi đâu làm gì gia đình, địa phương không biết. Do vậy cơ quan điều tra tiếp tục điều tra khi nào làm rõ xử lý sau.

Tại Cáo trạng số: 37/CT-VKSYL ngày 05 tháng 8 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố Nguyễn Văn N về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Nguyễn Văn N phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị phạt: Nguyễn Văn N từ 01 (một) năm đến 01 năm 03 (ba) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự, đề nghị: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường cho anh Nguyễn Xuân H 10.000.000đ; xử lý vật chứng và tính án phí theo quy định pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung Cáo trạng truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và

những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, người làm chứng. Tuy nhiên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và quyết định hình phạt đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng, thể hiện như sau: Khoảng 12h30' ngày 15/7/2021, tại khu vực tổ dân phố Đ, thị trấn Y, Nguyễn Văn N đã hỏi mượn anh Nguyễn Xuân H chiếc xe mô tô BKS 88L1 - 290.34 để đưa em vợ là Nguyễn Thành C về nhà tại tổ dân phố Đ, thị trấn Y, huyện Y, anh H đồng ý và giao xe cho N. Mượn được xe, N bảo anh C điều khiển xe chở N đi. Trên đường đi N nảy sinh ý định chiếm đoạt, mang xe đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. N không nói cho C biết xe do N mượn mà có. C điều khiển xe đi cầm cố (N không biết C cầm cố ở đâu) được 2.500.000đ, N lấy 1.000.000đ, cho C 1.500.000đ. Sau đó N bỏ trốn khỏi địa phương. Trị giá tài sản là 10.000.000đ.

[4]. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự: *"1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;*

b) ... mượn...tài sản của người khác ...và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản";

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh V đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5]. Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có sức khỏe nhưng không rèn luyện và tu dưỡng bản thân để trở thành người có ích cho xã hội, không chịu khó lao động mà đã chơi bời dẫn đến nghiện ma túy; để có tiền chi phí cá nhân, bị cáo đã lạm dụng sự tín nhiệm, lòng tin để chiếm đoạt tài sản của người khác. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[6]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9]. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: 01 xe mô tô BKS 88L1 - 290.34 Nguyễn Văn N đã nhờ Nguyễn Thành C mang đi cầm cố, do N không

biết địa chỉ C cầm cố xe nên cơ quan điều tra không thu giữ được. Anh Nguyễn Xuân H yêu cầu Nguyễn Văn N phải bồi thường trị giá thiệt hại chiếc xe mô tô theo kết luận định giá tài sản là 10.000.000đ. N đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh H nhưng hiện tại N đang bị tạm giam, không có tài sản nên chưa bồi thường được. Do vậy cần buộc bị cáo N phải có tránh nhiệm bồi thường cho anh H số tiền là 10.000.000đ.

[11]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn N 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 06/7/2022.

3. Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Xuân H số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thanh toán đủ khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

Theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh V;
- VKSND tỉnh V;
- Sở Tư pháp tỉnh V;
- Công an huyện Y;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Song Lưu